

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **108/2018/HNGĐ-ST**

Ngày: 26/7/2018

V/v tranh chấp về ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ
MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Kim Định**

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Nguyên**

2. Bà **Lê Thị Kim Anh**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thu** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa:
Bà **Phan Mỹ Dung** - Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 7 năm 2018, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 428/2018/TLST-HNGĐ ngày 20/4/2018 về việc “Tranh chấp về ly hôn ” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 279/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/6/2018 giữa:

Nguyên đơn: Ông **Đào Bá S**, sinh năm: 1969.

Địa chỉ: Thôn Phú Diễn, xã H, huyện T, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Bà **Đặng Thị V**, sinh năm: 1972.

Địa chỉ: C9/16A21 Khu phố 3, thị trấn T, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh.

(Ông S và bà V có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 06/02/2018, bản tự khai ngày 03/5/2018 và biên bản ghi nhận sự việc ngày 03/5/2018 - nguyên đơn ông Đào Bá S trình bày: Ông và bà V bắt đầu chung sống với nhau từ năm 1992, do tự tìm hiểu, có tổ chức đám cưới nhưng cho đến nay không có đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu ông và bà V chung sống hạnh phúc, không có gì xảy ra, đến đầu năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không còn hòa hợp. Vợ chồng gây gổ với nhau thường xuyên dẫn đến mỗi người sống mỗi nơi, không ai quan tâm đến ai, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc. Hiện ông và bà V đã sống ly thân từ đầu năm 2014 cho đến nay. Nay ông xét thấy tình cảm giữa ông và bà V không còn nữa nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà V.

Về con chung: ông xác nhận không có.

Về tài sản chung: Trong quá trình chung sống ông và bà V không có tạo dựng tài sản chung.

Về nợ chung: ông xác nhận không có.

Tại bản tự khai ngày 03/5/2018 và biên bản ghi nhận sự việc ngày 03/5/2018 - bị đơn bà Đặng Thị V trình bày: Bà và ông S bắt đầu chung sống với nhau từ năm 1992, do tự tìm hiểu, có tổ chức đám cưới nhưng cho đến nay không có đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu bà và ông S chung sống hạnh phúc, không có gì xảy ra, đến đầu năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không còn hòa hợp. Vợ chồng gây gổ với nhau thường xuyên dẫn đến mỗi người sống mỗi nơi, không ai quan tâm đến ai, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc. Hiện bà và ông S đã sống ly thân từ đầu năm 2014 cho đến nay. Nay bà xét thấy tình cảm giữa bà và ông S không còn nữa nên bà đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông S.

Về con chung: bà V xác nhận không có.

Về tài sản chung: Trong quá trình chung sống bà và ông S không có tạo dựng tài sản chung.

Về nợ chung: bà V xác nhận không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau: Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát

biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh đề nghị Hội đồng xét xử xem xét không công nhận ông Đào Bá S và bà Đặng Thị V là vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Đào Bá S nộp đơn xin ly hôn đối với bà Đặng Thị V. Bà Đặng Thị V có nơi cư trú tại huyện Bình Chánh. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Ông Đào S và bà Đặng Thị V có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt ông Đào S và bà Đặng Thị V theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Ông Đào Bá S nộp đơn xin ly hôn với bà Đặng Thị V vì cho rằng giữa ông và bà V phát sinh mâu thuẫn từ đầu năm 2014 cho đến nay, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không còn hòa hợp. Vợ chồng gây gổ với nhau thường xuyên dẫn đến mỗi người sống mỗi nơi, không ai quan tâm đến ai, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Ông S và bà V đã sống ly thân từ đầu năm 2014 cho đến nay.

Hội đồng xét xử xét thấy ông Đào S và bà Đặng Thị V tự nguyện sống chung với nhau từ năm 1992, không tổ chức đám cưới và cho đến nay cũng không đăng ký kết hôn. Theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”.

[4] Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Nam, nữ có điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp

đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này”.

[5] Tại khoản 4 Điều 3 của Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 về hướng dẫn thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, có quy định: “Trường hợp nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn (không phân biệt có vi phạm điều kiện kết hôn hay không) và có yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật hoặc yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý, giải quyết và áp dụng Điều 9 và Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa họ. Nếu có yêu cầu Tòa án giải quyết về quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ, con; quan hệ tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật hôn nhân và gia đình”.

Từ những quy định trên, việc ông Đào S yêu cầu xin ly hôn với bà Đặng Thị V là không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận, cần tuyên bố ông Đào S và bà Đặng Thị V không phải là vợ chồng.

[6] Về con chung: Ông Đào Bá S và bà Đặng Thị V không có con chung.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Đào Bá S và bà Đặng Thị V xác nhận không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí: Ông Đào Bá S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 203, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 9 và Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 về việc hướng dẫn thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Không công nhận ông Đào S và bà Đặng Thị V là vợ chồng.

2. Về con chung: Ông Đào Bá S và bà Đặng Thị V không có con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: ông Đào Bá S và bà Đặng Thị V xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Ông Đào Bá S chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà ông S đã nộp theo biên lai thu số 08804 ngày 23/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội. Ông S đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND H.BC;
- THADS H.BC;
- Cơ quan đăng ký kết hôn
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phạm Thị Kim Định